

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-ST
Ngày: 19-02-2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng.
2. Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2020/TLST-DS, ngày 27 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (gọi tắt: Ngân hàng); địa chỉ trụ sở chính: Đường THĐ, phường CN, quận HK, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Doãn S: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền số: 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20/6/2017). Ông Nguyễn Thanh T ủy quyền lại cho anh Lê Điền Kh và anh Lê Nguyễn Hoài D (theo văn bản ủy quyền số: 340/2020/QĐ-LienVietPostBank.VL ngày 16/6/2020); địa chỉ: Đường TNV, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Quế Th; địa chỉ: Đường LTHG, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 23/01/2017, Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Vĩnh Long và bà Võ Quế Th ký kết hợp đồng tín dụng số: 1217.1/2017/VL-HĐTD.

Số tiền vay: 80.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay: 05 năm, được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên (ngày ký trên khế ước nhận nợ/văn bản nhận nợ đầu tiên) ngày 23/01/2017 đến hết ngày 23/01/2022.

Lãi suất: Lãi suất trong hạn 12%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Mục đích vay: Tiêu dùng (mua sắm đồ gia dụng).

Tài sản thế chấp: Không.

Phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi bên vay trả hàng tháng vào ngày 15 tây, góp 60 kỳ, 59 kỳ số tiền gốc thanh toán cho 01 kỳ là 1.340.000 đồng, kỳ cuối 940.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, bà Th thanh toán được một phần nợ gốc là 22.780.266 đồng và một phần nợ lãi là 11.910.744 đồng. Do bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng thông báo yêu cầu bà Th thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Quế Th trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 19/02/2021 là 83.893.583 đồng. Trong đó:

Tiền vốn gốc còn nợ: 57.219.734 đồng.

Tiền lãi: 26.673.849 đồng (trong đó: Lãi trong hạn 12.655.403 đồng, lãi quá hạn 11.829.942 đồng, lãi chậm trả 2.188.504 đồng).

Bị đơn bà Võ Quế Th: Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng bà Th đều vắng mặt, không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền loại việc: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc tranh chấp về hợp đồng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền theo lãnh thổ và theo sự lựa chọn của nguyên đơn: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự, người đại diện của đương sự:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn Võ Quế Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng tín dụng số: 1217.1/2017/VL-HĐTD ngày 23/01/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Vĩnh Long và bà Võ Quế Th là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay được quy định tại Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp Tòa án đã chứng minh bà Võ Quế Th ký nhận số tiền vay 80.000.000 đồng bằng hình thức nhận tiền mặt vào ngày 23/01/2017. Trong quá trình vay bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận. Do đó, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên được chấp nhận. Vì vậy, buộc bà Võ Quế Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ 57.219.734 đồng.

Về tiền lãi: Hợp đồng tín dụng số: 1217.1/2017/VL-HĐTD ngày 23/01/2017 được bà Quyen và Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Vĩnh Long thỏa thuận lãi suất trong hạn 14,25%/năm, lãi suất quá hạn tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Xét thỏa thuận này của các đương sự phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm: Lãi trong hạn 12.655.403 đồng, lãi quá hạn 11.829.942 đồng và lãi chậm trả 2.188.504 đồng.

Như vậy, bà Võ Quế Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay và lãi 83.893.500 đồng.

Bị đơn Võ Quế Th không tham gia phiên tòa, không có văn bản nêu ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết mà nguyên đơn đưa ra là sự thật.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Võ Quế Th chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền mà bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn, được tính như sau: $83.893.500 \text{ đồng} \times 5\% = 4.194.500 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, 266, 273, 147, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B.

Buộc bà Võ Quế Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền vốn vay còn nợ 57.219.734 đồng, tiền lãi 26.673.849 đồng (trong đó: Lãi trong hạn 12.655.403 đồng, lãi quá hạn 11.829.942 đồng, lãi chậm trả 2.188.504 đồng, tổng cộng vốn và lãi 83.893.500đ (tám mươi ba triệu tám trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng).

2. Về án phí:

Buộc bà Võ Quế Th phải chịu 4.194.500đ (bốn triệu một trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B 1.880.000đ (một triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005775 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi nguyên đơn có trụ sở và Ủy ban nhân dân nơi bị đơn cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan